

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
8	Đường nối Quốc lộ 9 đến đường Bà Triệu	4.896	4.896	1.236	1.236	1.236	1.236	500	0	
9	Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật	7.978	7.978	6.102	6.102	4.602	4.602	1.500	0	
10	Đường Hân Thuyên nối dài (đoạn từ đường Thạch Hân đến đường Phường 2 – Đông Lương – Đông Lễ)	5.200	5.200	3.900	3.900	1.400	1.400	2.500	0	
11	Nâng cấp, hoàn thiện bãi chôn lấp bãi rác thành phố Đông Hà	20.000	8.000	20.000	8.000	6.200	200	5.000	0	
12	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1)	11.390	11.390	11.390	11.390	5.923	5.923	3.000	0	
13	Nâng cấp đường Hồ Quý Ly, phường Đông Thanh	6.681	6.681	2.800	2.800	0	0	2.800	0	
14	Đường 47m và CSHT khu TĐC Bắc sông Hiếu	81.000	81.000	63.000	63.000	29.251	29.251	9.000	0	
15	Xây dựng CSHT khu TĐC Phường 3, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2)	28.000	3.000	28.000	3.000	13.495	1.995	800	0	
16	Xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khoá Bão và đường Thành Cổ, Phường 3, thành phố Đông Hà	31.000	31.000	3.505	3.505	27.610	27.610	0	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
17	CSHT Khu dân cư Đông Trường Sơn, Phường 3	4.199	4.199	4.199	4.199	2.700	2.700	1.400	0	
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025	1.891.586	552.336	896.483	370.708	357.043	196.043	144.630	0	
1	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	1.152.920	57.670	297.658	27.520	29.000	18.000	13.000	0	
2	Chỉnh trang đô thị khu vực trung tâm thành phố	100.000	100.000	100.000	100.000	35.070	35.070	40.000	0	
3	Đường quanh Hồ Trung Chi, Phường 5	4.312	4.312	3.012	3.012	1.000	1.000	2.000	0	
4	Đường Đặng Trần Côn (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hàm Nghi)	14.999	14.999	7.101	7.101	6.639	6.639	3.000	0	
5	Đường kèp hai bên cầu vượt Đông Hà	13.000	13.000	4.000	4.000	8.091	8.091	500	0	
6	CSHT khu dân cư khu phố 1A, phường Đông Lễ	8.048	8.048	8.048	8.048	3.691	3.691	500	0	
7	Đường Trần Quang Khải (đoạn từ đường Hán Mặc Từ đến đường Lê Thánh Tông)	26.000	10.000	26.000	10.000	10.596	10.596	3.000	0	
8	Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2)	226.210	76.210	226.210	76.210	171.783	21.783	35.000	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
9	Đường Lê Thánh Tông (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	89.000	14.000	89.000	14.000	5.876	5.876	5.000	0	
10	Xây dựng CSHT Khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái (giai đoạn 2)	25.000	25.000	18.387	18.387	16.387	16.387	2.000	0	
11	Xây dựng CSHT Khu dân cư phía Tây đường Khố Bảo (giai đoạn 3)	33.027	33.027	18.413	18.413	18.413	18.413	500	0	
12	Hoàn thiện CSHT Khu dân cư phía Tây đường Khố Bảo	18.500	18.500	9.500	9.500	7.500	7.500	750	0	
13	Đường Tuệ Tĩnh và CSHT khu dân cư hai bên tuyến	28.288	28.288	14.100	14.100	15.956	15.956	4.500	0	
14	CSHT khu dân cư đường Bà Triệu	17.299	17.299	13.300	13.300	8.254	8.254	3.000	0	
15	Đường Trường Chinh nối dài (đoạn Nguyễn Du - Nguyễn Chí Thanh	9.485	6.485	6.485	6.485	0	0	2.000	0	
16	Vùng trồng hoa chấu tập trung tại phường Đông Giang	13.004	13.004	13.004	13.004	3.500	3.500	4.500	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ từ nguồn vốn đầu giá đất cấp huyện	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện 2021-2024			
17	Xây dựng CSHT mở rộng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2)	46.800	46.800	12.000	12.000	250	250	6.280	0	
18	Giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch phục vụ đầu giá QSDĐ để thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5	31.500	31.500	3.100	3.100	675	675	8.000	0	
19	Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2)	3.000	3.000	3.000	3.000	0	0	2.100	0	
20	Đường kiệt 120 Tôn Thất Thuyết, Phường 5, thành phố Đông Hà	9.194	9.194	2.165	2.165	6.999	6.999	2.000	0	
21	Xử lý các nút giao thông nguy hiểm, thành phố Đông Hà	22.000	22.000	22.000	7.363	7.363	7.363	7.000	0	
V	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)	239.906	239.906	97.200	97.200	0	0	33.556	0	
1	Đường vào khu phố Khe Lấp, Phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp)	14.999	14.999	1.000	1.000	0,0	0,0	2.000	0	
2	Xây dựng CSHT Khu dân Phố Đông đường Lê Lợi (giai đoạn 1)	41.000	41.000	1.000	1.000	0,0	0,0	950	0	
3	Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái	51.000	51.000	51.000	51.000	0,0	0,0	8.656	0	
4	Xây dựng CSHT Khu dân cư vùng Đạc, phường Đông Giang	51.000	51.000	1.000	1.000	0,0	0,0	950	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 từ đầu giá đất cấp huyện	Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó:Đầu giá đất cấp huyện 2021-huyện 2024		
5	Cải tạo nhà đa năng, nhà làm việc 2 tầng, nhà bảo vệ và lát sân vườn Trường mầm non Hướng Dương	4.000	4.000	4.000	4.000	0,0	0,0	3.000	0
6	Xây mới nhà 02 tầng 06 phòng học và hòa thiện sân vườn Trường Mầm non Hương Sen	9.507	9.507	6.500	6.500	0,0	0,0	6.000	0
7	Xây dựng CSHT Khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ (giai đoạn 2)	42.000	42.000	27.000	27.000	0,0	0,0	8.000	0
8	Xây dựng CSHT khu dân cư đường Trần Huy Liệu, Phường Đồng Thanh (giai đoạn 1)	62.700	62.700	1.000	1.000	0,0	0,0	0	0
9	Hoàn thiện Khu dân cư Cỏ Húa, phường Đông Lương	2.200	2.200	2.200	2.200	0,0	0,0	2.000	0
10	Bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ Trung tâm VH-TT-TDTT thành phố	2.500	2.500	2.500	2.500	0,0	0,0	2.000	0
VI	Nguồn vốn quyết toán dự án hoàn thành							6.000	
VII	Vốn CBDT							1.000	Không thực hiện
VIII	Nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch							5.190	
IX	Nguồn đối ứng thực hiện đề án xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thành phố Đông Hà, giai đoạn 2021-2025							1.760	
X	Nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất ở được phân bổ cho UBND các phường							9.844	

Biểu số II.2

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THỦ SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện			
	TỔNG CỘNG			177.468	191.966	174.904	106.001	91.657	50.188	44.000	1.191	1.191	7.147	7.147	
A	Đo đạc địa chính (10%)				20.550	20.550	4.537	4.537	1.170	1.170			7.147	7.147	
B	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)				10.275	10.275	6.744	6.744		2.200					
C	Các dự án đầu tư (85%)		349.908	177.468	161.141	144.079	94.720	80.376	49.018	40.630	1.191	1.191			
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		422	422	422	422	0	100	322	322	0	0	0	0	
1	Quy hoạch chi tiết phân lô tỷ lệ 1/500 - Phân lô các khu nhỏ lẻ trên địa bàn thị xã Quảng Trị	510/QĐ-UBND ngày 04/06/2021	145	145	145	145			145	145					
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Khu phố 4, Phường 2, thị xã Quảng Trị	823/QĐ-UBND ngày 21/08/2020	277	277	277	277		100	177	177					
II	Dự án đã hoàn thành đang thẩm tra quyết toán		36.145	21.059	23.444	18.058	18.017	16.025	4.698	3.048	175	175			
1	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh, HM: Nhà học bộ môn và Nhà đa năng	1314/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	6.400	1.150	2.400	1.150			1.850	1.150					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu tư giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
2	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị, hạng mục: Phòng tổ chuyên môn và Hội trường	987/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	3.700	1.000	1.000	1.000			850	550					
3	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Hạng mục: Phòng học chức năng, Nhà hiệu bộ	523/QĐ-UBND ngày 20/05/2022	9.600	4.400	6.600	4.400	4.450	4.450	1.998	1.348					
4	San lấp mặt bằng khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ	1334/QĐ-UBND 17/12/2021	3.328	1.862	3.328	1.862	3.327	1.805			109	109			
5	Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị; HM: Khu cát táng di dời lăng mộ tại Khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ (292)	611/QĐ-UBND ngày 09/07/2021	5.000	4.530	5.000	4.530	4.930	4.460			55	55			
6	Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây đường Nguyễn Trường Tộ	584/QĐ-UBND ngày 05/7/2023	8.117	8.117	5.116	5.116	5.310	5.310			11	11			
III	Dự án hoàn thành năm 2025		145.521	19.799	36.764	32.599	29.188	21.898	12.372	10.996	937	937			
1	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, hạng mục: Xây mới dãy nhà học 3 tầng	986/QĐ-UBND ngày 17/10/2023	9.600	5.600		5.600			4.751	3.849					
2	Đường giao thông khu phố 1, khu phố 3, phường An Đôn	366/QĐ-UBND ngày 26/04/2021	10.399	10.199	10.399	10.199	10.351	10.151			937	937			
3	Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị xã Quảng Trị	275/QĐ-UBND ngày 06/02/2018	119.856	4.000	4.000	4.000	1.456	1.456	2.530	2.530					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao		Lũy kế phân bổ đến hết 2024		Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Tăng thu, TK chi quỹ đất 2024 chuyển sang 2025		Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn đầu giá đất huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện	
4	Chống úng cục bộ các phường xã		1.120	1.120					1.100	1.100					
5	Mục Giải phóng mặt bằng				19.365	12.000	16.249	9.969	2.031	2.031					
6	Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã đến năm 2045	340/QĐ-UBND ngày 3/3/2023	4.008						860	860					
7	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	1332/QĐ-UBND ngày	538						300	300					
10	Bổ sung các chương trình, vốn ủy thác NHCS								200	200					
11	Nông thôn mới				3.000	800	1.132	322	600	126					
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025		139.188	126.188	76.000	83.000	41.098	38.853	25.722	24.897	0	0			
1	Khu đô thị mới Võ Văn Kiệt	967/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	112.188	112.188	69.000	69.000	32.087	32.087	20.595	20.595					
2	Hạ tầng cụm công nghiệp Hải Lệ (giai đoạn 2).	380/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	15.000	7.000	7.000	7.000	1.766	1.766	2.372	2.372					
3	Hệ thống thu gom nước thải thị xã Quảng Trị - Tuyến cấp 2.	269/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	12.000	7.000		7.000	7.245	5.000	2.755	1.930					
V	Dự án đang dừng thực hiện		28.632	10.000	24.511	10.000	6.417	3.500	5.904	1.367	79	79			
1	Trung tâm hành chính thị xã (GĐ 1);	1407/QĐ-UBND ngày 25/11/202	24.511	10.000	24.511	10.000	6.417	3.500	4.837	300	79	79			

[illegible]

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2025 VÀ VỐN KÉO DÀI SANG 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ TỪ THỦ SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng												
STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
	TỔNG CỘNG		705.616,67	683.731,58	407.526,75	243.706,97	214.329,68	14.447,88	14.054,48	14.054,48	9.832,53	
A	Bổ sung quỹ phát triển đất của tỉnh (5%)		10.716,48	10.716,48		10.716,48	10.716,48	-				
B	Đo đạc địa chính (10%)		29.382,31	29.147,22	8.288,23	21.432,97	21.432,97	-	4.184,83	4.184,83	-	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu thương mại dịch vụ hồ Lò Gạch, thôn Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh	Số QĐ 66/QĐ - UBND ngày 10/01/2025	421,76	421,76		421,76	421,76		-			
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2384 ngày 2/7/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh	392,27	157,18		157,18	157,18		-			
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn, thôn Hòa Bình, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	348 ngày 9/3/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh	182,13	182,13		182,13	182,13		-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
4	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư khu phố Hòa Phú thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2926/QĐ-UBND	372,50	372,50	307,09	31,87	31,87		-			
5	Tư vấn định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá (Khu A)	1030/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	188,60	188,60		188,60	188,60		-			
6	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh đến năm 2020.	Số QĐ 2010/QĐ - UBND ngày 30/05/2025	117,58	117,58		117,58	117,58		-			
7	Điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chung Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh đến năm 2040	Số QĐ 744/QĐ - UBND ngày 08/03/2022, QĐ 3290/QĐ - UBND ngày 31/12/2024	3.686,90	3.686,90	2.237,89	1.372,56	1.372,56		117,81	117,81		
8	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Hiền Thành	422 ngày 9/6/2025	89,35	89,35		89,35	89,35		-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
9	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Kim Thạch	377/QĐ-UBND ngày 06/06/2025	91,48	91,48		91,48	91,48		-			
10	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Thái	451/QĐ-UBND, NGÀY 132 (6/6/2025)	88,06	88,06		88,06	88,06		-			
11	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Hòa		88,32	88,32		88,32	88,32		-			
12	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Giang	118/QĐ-UBND ngày 5/6/2025	84,00	84,00		84,00	84,00		-			
13	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Trung Nam	131/QĐ-UBND 06/6/2025	91,52	91,52		91,52	91,52		-			
14	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Tú	96/QĐ-UBND ngày 6/6/2025	91,70	91,70		91,70	91,70		-			
15	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Chấp	105/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	99,00	99,00		99,00	99,00		-			
16	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Ô	2129/QĐ-UBND ngày 7/6/2025	107,59	107,59		107,59	107,59		-			
17	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Khê	320/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	95,49	95,49		95,49	95,49		-			
18	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Hà	2129/QĐ-UBND ngày 1/6/2025	106,83	106,83		106,83	106,83		-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
19	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Thủy	QĐ 2129/QĐ-UBND; 07/06/2025	93,55	93,55		93,55	93,55		-			
20	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Lâm	147/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	87,70	87,70		87,70	87,70		-			
21	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Sơn	154/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	95,25	95,25		95,25	95,25		-			
22	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thị trấn Hồ Xá	159/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	83,36	83,36		83,36	83,36		-			
23	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thị trấn Cửa	71/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	89,55	89,55		89,55	89,55		-			
24	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Vĩnh Long	142/QĐ-UBND ngày 6/6/2025	92,47	92,47		92,47	92,47		-			
25	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 thị trấn Bến	2010/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	80,12	80,12		80,12	80,12		-			
26	Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Linh		2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
27	Quy hoạch chung xây dựng xã Cửa Tùng		2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
28	Quy hoạch chung xây dựng xã Bến Quan		2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
29	Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Thủy		2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			
30	Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hoàng		2.500,00	2.500,00		2.500,00	2.500,00		-			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đấu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đấu giá đất cấp huyện		
31	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Điểm du lịch cộng đồng sinh thái Bàu Thủy Ứ, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2310/QĐ-UBND ngày 28/06/2024	392,27	392,27		392,27	392,27		-			
32	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Bình, xã Vĩnh Cháp(GĐ1)	3140/QĐ-UBND;28/9/2022	210,96	210,96	169,19	41,77	41,77		-			
33	Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Lai Bình, xã Vĩnh Cháp(GĐ2)	3138/QĐ-UBND;28/9/2022	210,22	210,22	168,45	41,77	41,77		-			
34	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư nông thôn Thờ Luật, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh linh, tỉnh Quảng Trị	203/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	239,54	239,54	239,54	-	-		209,40	209,40		
35	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư nông thôn, thôn Mạch Nước, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2691/QĐ - UBND ngày 18/10/2023	202,00	202,00	202,00	-	-		170,34	170,34		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
36	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực nhỏ lẻ khu dân cư nông thôn tại các thôn, thôn Đông Luật, Thái Lai 1 và Thái Lai 2 xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	217/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	251,32	251,32	251,32	-	-		208,98	208,98		
37	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Làng Văn hóa du lịch cộng đồng sinh thái Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.	3939/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	548,59	548,59	548,59	-	-		515,49	515,49		
38	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu (2025).	667/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.654,82	2.654,82		-	-		2.654,82	2.654,82		
39	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vĩnh Linh	3368/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	586,90	586,90	586,90	-	-		80,87	80,87		
40	Lập thống kê đất đai năm 2023 huyện Vĩnh Linh	3654/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	228,89	228,89	228,89	-	-		13,18	13,18		
41	Điều chỉnh quy hoạch chung TT Cửa Tùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040	2233/QĐ-UBND ngày 29/08/2022	2.771,64	2.771,64	1.780,25	836,28	836,28		101,07	101,07		
42	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trụ sở trung tâm Môi trường cũ, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Số QĐ 2449/QĐ-UBND ngày 13/09/2023	205,95	205,95	205,95	-	-		5,05	5,05		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
43	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Văn hóa Khu Phố 1, huyện Vĩnh Linh , tỉnh Quảng Trị	Số QĐ 2461/QĐ - UBND ngày 14/09/2023	207,54	207,54	207,54	-	-		5,02	5,02		
44	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý nước thải cục bộ thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	Số QĐ 800/QĐ - UBND ngày 17/04/2024	202,95	202,95	202,95	-	-		4,66	4,66		
45	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bến xe phía Nam, Chợ Hồ Xá 3, huyện Vĩnh Linh , tỉnh Quảng Trị	Số QĐ 3641/QĐ - UBND ngày 06/12/2023	510,91	510,91	510,91	-	-		58,95	58,95		
46	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất dịch vụ thương mại Bắc Lê Hồng Phong khu phố 6, Thị trấn Hồ xá, huyện Vĩnh Linh , tỉnh Quảng Trị	Số QĐ 4594/QĐ - UBND ngày 22/12/2020	440,80	440,80	440,80	-	-		39,22	39,22		
*	Dự phòng ĐTC năm 2025 (số 10% chưa giao					3.493,90	3.493,90					
C	Các dự án đầu tư (85%)		665.517,87	643.867,87	399.238,52	211.557,52	182.180,23	14.447,88	9.869,65	9.869,65	9.832,53	
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		135.676,04	135.476,04	114.130,55	11.942,76	9.319,76	1.849,26	2.774,16	2.774,16	-	
48	Bê tông hoá đường bê tông liên thôn Lê Xá, xã Vĩnh Sơn	4181/QĐ-UBND 09/12/2020	817,56	817,56	765,25	42,75	42,75					
49	Bê tông hóa đường liên thôn Liềm Công Đông - Phúc Đức, xã Hiền Thành	3580/QĐ-UBND 26/10/2022	890,00	890,00	518,16	371,84	371,84					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
50	Bê tông hóa đường nội thôn Phúc Đức, xã Hiền Thành	3579/QĐ-UBND 26/10/2022	579,63	579,63	405,95	173,68	173,68					
51	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Hòa huyện Vĩnh Linh	5010/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	3.500,00	3.500,00	677,00	23,00	23,00	23,00				
52	Xây dựng công , hàng rào, nhà vệ sinh THTCĐ thôn Hòa bình, xã Hiền Thành	QĐ số 3584 ngày 26/10/2022 của UBND Huyện Vĩnh Linh	400,00	400,00	384,29	15,71	15,71					
53	Xây dựng hàng rào, nhà vệ sinh và sân THTCĐ thôn Thái Mỹ, xã Hiền Thành	QĐ số 3582 ngày 26/10/2022 của UBND Huyện Vĩnh Linh	800,00	800,00	642,92	157,08	157,08					
54	Xây dựng THTCĐ thôn Tân An, xã Hiền Thành	QĐ số 3466 ngày 18/10/2022 của UBND Huyện Vĩnh Linh	1.084,55	1.084,55	568,42	516,14	516,14					
55	Xây dựng THTCĐ thôn Tân Trại Thượng, xã Hiền Thành;Hm: Nâng cấp, sửa chữa mái nhà, sân bê tông và tường rào	QĐ số 2959 ngày 9/9/2022 của UBND Huyện Vĩnh Linh	289,92	289,92	287,10	2,81	2,81					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
56	Xây dựng TTHTCĐ thôn Tân Trường, xã Hiền Thành	QĐ số 3585 ngày 26/10/2022 của UBND Huyện Vĩnh Linh	1.100,00	1.100,00	550,00	550,00	550,00					
57	Di tích lịch sử Chí bộ Thượng Lập, xã Vĩnh Long; Hạng mục: Xây mới bia mộ ông Phương.	5482/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	248,29	248,29	198,62	49,67	49,67					
58	Đường giao thông khu phố Phú Thị, thị trấn Hồ Xá	số 3457/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	458,84	458,84	307,99	150,86	150,86					
59	Khu dân cư nhóm 3, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	1359/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	12.600,00	12.600,00	10.527,30	1.296,07	1.296,07					
60	Nâng cấp đường liên thôn Khe Ba - Động Sỏi xã Kim Thạch	2532/QĐ-UBND 25/9/2023	8.684,58	8.684,58	8.550,00	134,58	134,58			87,20	87,20	
61	Nâng cấp, sửa chữa nhà học 2 tầng 6 phòng học, nhà học bộ môn và xây mới nhà vệ sinh giáo viên	4543/QĐ-UBND 22/12/2022	900,00	900,00	820,59	46,22	46,22					
62	Nhà văn hoá khu phố Hoà Phú, thị trấn Hồ Xá	QĐ số 1543 08/5/2025	2.450,00	2.450,00	1.715,00	503,74	503,74					
63	Nhà văn hóa khu phố Phú Thị Đông, thị trấn Hồ Xá	4795/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.450,00	2.250,00	1.778,44	594,86	594,86					
64	Nhà văn hoá khu phố Vĩnh Tiến, thị trấn Hồ Xá	3578/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	1.680,00	1.680,00	1.586,41	93,59	93,59					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đất giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đất giá đất cấp huyện		
65	Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn xóm Mới, xã Vĩnh Long	234/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	801,72	801,72	9,12	396,30	396,30					
66	Nhà văn hoá thôn Huỳnh Công Tây	2120/QĐ-UBND 02/8/2022	1.160,00	1.160,00	613,06	546,94	546,94					
67	Nhà văn hóa thôn Minh Phước, xã Vĩnh Sơn	3033/QĐ-UBND 16/9/2022	1.300,00	1.300,00	1.299,18	0,82	0,82					
68	Nhà văn hóa thôn Tân Lập, xã Vĩnh Long	3986/QĐ-UBND 15/11/2022	1.456,68	1.456,68	1.000,00	456,68	456,68					
69	Nhà văn hóa thôn Tây 3, xã Vĩnh Tú	2121/QĐ-UBND 02/8/2022	1.300,00	1.300,00	1.086,04	213,96	213,96					
70	Nhà văn hóa thôn Tân Mỹ 2, xã Vĩnh Lâm, hạng mục: San nền, xây dựng nhà văn hóa	4262/QĐ-UBND 21/11/2022	2.333,22	2.333,22	2.237,51	95,71	95,71					
71	Nhà văn hóa thôn Thủy Ba Hạ, xã Vĩnh Thủy	2925/QĐ-UBND 08/9/2022	1.800,00	1.800,00	1.037,85	562,15	562,15					
72	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Hệ thống sân vườn và hàng rào khu vực	số 2744/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	14.500,00	14.500,00	12.320,66	2.000,00	-	1.826,26				
73	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa thôn Cháp Nam, xã Vĩnh Cháp	2899/QĐ-UBND 06/9/2022	298,55	298,55	229,79	68,75	68,75					
74	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa trung tâm, xã Vĩnh Giang	4302/QĐ-UBND 12/12/2022	498,54	498,54	302,46	196,08	196,08					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
75	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành; HM: Nàng cấn sứa chữa nhà Trưởng MN Vĩnh Hòa	3369/QĐ-UBND 04/10/2022	693,80	693,80	657,29	36,52	36,52					
76	(Điểm trường trung tâm Thôn Hòa Bình); HM: Nhà 2 tầng 8 phòng học	số 3352/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.400,00	6.400,00	4.300,00	1.643,76	1.043,76					
77	Trường tiểu học Vĩnh Giang, hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh	3939/QĐ-UBND 11/11/2022	1.266,72	1.266,72	800,00	466,72	466,72					
78	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố An Du Nam 2, thị trấn Cửa Tùng	4047/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	241,00	241,00	195,00	45,85	45,85					
79	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Duy Viên, xã Vĩnh Lâm	4048/QĐ-UBND 21/11/2022	49,86	49,86	15,51	34,35	34,35					
80	Xây dựng CSHT khu dân cư thôn Bình An xã Vĩnh Cháp	351/QĐ-UBND 09/3/2022	296,27	296,27	91,00	205,32	205,32					
81	Xây lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trục đường tỉnh lộ 573b và khu vui chơi giải trí sân vận động	2189/QĐ-UBND 11/8/2022	992,60	992,60	742,33	250,27	250,27					
82	Thường công trình cho thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành đạt chuẩn	QĐ số 2485 ngày 16/7/2024	150,00	150,00	150,00	-	-		2,13	2,13		
83	Xây dựng công và đường qua ruộng Khe Tráng, xã Kim Thạch	2797/QĐ-UBND ngày 13/08/2024	1.150,00	1.150,00	1.150,00	-	-		1.129,94	1.129,94		
84	Trường tiểu học Quyết Thắng; HM: Nhà 2 tầng 6 phòng học	số 1962/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	3.600,00	3.600,00	3.324,12	-	-		201,89	201,89		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đất giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đất giá đất cấp huyện		
85	Năng cấp khuôn viên trước trụ sở bưu điện huyện và hệ thống điện chiếu sáng đoạn đường từ	QĐ số 2660/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	850,00	850,00	841,16		-		65,90	65,90		
86	Sửa chữa nhà văn hóa và làm mới sân bê tông tại 6 thôn, xã Vĩnh Ô	QĐ số 1834/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	2.800,00	2.800,00	2.649,54		-		89,28	89,28		
87	Năng cấp, cải tạo hệ thống kênh tiêu, hồ chứa nước thải khu nuôi tôm	số 3555/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	4.500,00	4.500,00	4.482,90		-		14,60	14,60		
88	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng thị trấn Cửa Tùng (GĐ1)	số 1610/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	2.496,00	2.496,00	2.347,92		-		12,32	12,32		
89	Năng cấp đường từ thôn Bàu đến thôn Đông, xã Kim Thạch	số 1854/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	3.751,81	3.751,81	3.751,81		-		4,64	4,64		
90	Đường liên thôn Nam Cường, xã Trung Nam	số 1964/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	2.100,00	2.100,00	1.967,00		-		16,31	16,31		
91	Đường bê tông nội thị khu dân cư, thị trấn Cửa Tùng	Đ-UBND ngày	1.600,00	1.600,00	1.561,40		-		84,03	84,03		
92	Đường trung tâm xã Vĩnh Sơn đi thôn Nam Sơn	số 2179/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	7.000,00	7.000,00	6.774,00		-		25,99	25,99		
93	Trương ưu nọc Kim Thạch (cơ sở 2); Hạng mục: Nhà 02 phòng học, 02 phòng sinh hoạt	số 1960/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	2.600,00	2.600,00	859,82		-		108,94	108,94		
94	Bê tông hóa đường liên thôn Sa Nam - Sa Bắc, xã Vĩnh Long	số 2125/QĐ-UBND ngày 02/8/2022	2.800,00	2.800,00	2.772,45		-		51,17	51,17		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đất đai 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đất giá đất cấp huyện		
95	Nâng cấp đường từ thôn Sơn Hạ đến thôn Vĩnh Mốc, xã Kim Thạch	số 3034/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	1.900,00	1.900,00	1.869,42				93,64	93,64		
96	Trụ sở UBND huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Nhà 1 phòng học + bếp)	số 2346/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	4.800,00	4.800,00	4.737,25				147,84	147,84		
97	Trung Nam. Hạng mục: Nhà 3 phòng học + bếp	số 2948/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	3.270,00	3.270,00	3.224,42				33,27	33,27		
98	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Vĩnh Ô; HM: Nhà 2 tầng 06 phòng học	số 1958/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	4.200,00	4.200,00	3.561,61				361,61	361,61		
99	đường Quang Trung thị trấn Hồ Xá, đoạn từ ngã tư Trần Phú đến Quốc lộ 14	số 1860/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	1.297,00	1.297,00	1.296,92				122,72	122,72		
100	Trường mầm non Vĩnh Sơn (cụm Huỳnh Thượng – Tiên An), Hạng mục: Nhà 1 phòng học	4015/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	843,00	843,00	835,76				4,63	4,63		
101	Nhà văn hóa thôn Minh Phước, xã Vĩnh Sơn	3033/QĐ-UBND ngày 16/09/2022	1.300,00	1.300,00	1.110,00				8,49	8,49		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
102	Trường mầm non Vĩnh Long, hạng mục: Nhà hiệu bộ - 5 phòng làm việc và 01 nhà vệ sinh chung	2142/QĐ-UBND ngày 08/08/2022	1.400,00	1.400,00	1.368,93		-		2,39	2,39		
103	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư mới thôn Nam Sơn khu vực 1, xã Vĩnh Sơn	2367/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	280,00	280,00	258,00		-		1,21	1,21		
104	Nhà văn hóa thôn Tân Thuận, xã Vĩnh Thái	4012/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	800,00	800,00	772,18		-		4,28	4,28		
105	Trụ sở Huyện ủy Vĩnh Linh, hạng mục: Nâng cấp lát gạch sân, cột cờ, bậc cấp và làm mới mái che nhà Hội trường	QĐ số 2060/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	501,90	501,90	441,90		-		2,12	2,12		
106	Trạm biến áp, đường dây trung áp, đường dây hạ áp lên Xóm 9, thôn Mít, xã Vĩnh Ổ.	số 4285/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.994,00	1.994,00	1.528,91		-		10,54	10,54		
107	Trường mầm non Bến Quan; hạng mục: Bếp ăn bán trú	QĐ số 2462/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	700,00	700,00	652,33		-		3,94	3,94		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
108	Trường mầm non công lập Vĩnh Khê; Hạng mục: Cải tạo cổng, tường rào, xây mới hố thối và ống thoát nước bếp ăn, làm máng rửa tay và cải tạo nhà công vụ giáo viên (Điểm Xung Phong)	3426/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	520,00	520,00	505,48	-			7,82	7,82		
109	Trường PTDTBTH xã Vĩnh Khê; HM: XD HT thoát nước, cải tạo cổng, làm mới giếng khoan, mái che và SBT hai bên nhà ĐN (điểm TT), xây nhà VSGV, hầm thối bếp ăn BT, cải tạo cổng (điểm Xung Phong)	3675/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	730,00	730,00	723,76	-			3,60	3,60		
110	Xây dựng nhà văn hóa Khóm 4, thị trấn Bến Quan	2244/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	1.420,00	1.420,00	1.391,33	-			71,73	71,73		
II Dự án đã hoàn thành chưa quyết toán			92.497,39	91.297,39	60.303,75	10.480,99	13.385,86	167,34	4.792,47	4.792,47	2.037,02	
111	Bê bơi nhằm mục đích phòng chống đuối nước cho học sinh tại trường Tiểu học Vĩnh Giang	1168/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	987,77	387,77		387,77						
112	Di tích địa điểm lưu niệm địa đạo đội 7 và đội 11, thôn Hòa Bình xã Vĩnh Hòa	118 (10/10/2022)	488,07	488,07	485,51	2,56	2,56					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi ngân sách huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
113	Bê tông hóa đường liên thôn Xung Phong - thôn Mới, xã Vĩnh Khê (giai đoạn 2)	1218 ngày 23/04/2025	500,00	500,00			500,00					
114	Hệ thống đường điện cao áp tuyến đường tỉnh lộ 573B đoạn Thủy Ba Đông đi Thủy Ba Tây xã Vĩnh Thủy	QĐ:4144; 18/12/2024; UBND huyện	1.000,00	400,00	400,00		600,00					
115	Trụ sở UBND, UBND, UBND huyện Vĩnh Linh; hang công trình cấp nước tập trung thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh	số 1759/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	3.470,00	3.470,00	2.874,90				50,00	50,00		
116	Công trình cấp nước tập trung thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh	số 5009/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.054,00	2.054,00	1.985,25				60,00	60,00		
117	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh	số 5011/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	2.700,00	2.700,00	2.700,00				81,78	81,78		
118	Cầu Trạm xã Vĩnh Chấp	số 5005/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.500,00	4.500,00	4.500,00				28,24	28,24		
119	Trụ sở UBND xã Vĩnh Khê, hạng mục: Xây dựng hàng rào, lát gạch terrazzo sân UBND xã,	2202/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.500,00	1.500,00	1.455,00				83,36	83,36		
120	Trung tâm hành chính xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND	số 4074/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	5.212,00	5.212,00	4.588,54				2.655,94	2.655,94		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
121	Thường công trình cho thôn Sa Nam, xã Vĩnh Long đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2224/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	150,00	150,00	150,00	-			7,56	7,56		
122	Thường công trình cho thôn Huỳnh Xá Hạ, xã Vĩnh Sơn đạt chuẩn	2215/QĐ-UBND ngày	200,00	200,00	200,00	-			1,64	1,64		
123	Trường TH & THCS Vĩnh Sơn; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa các dãy phòng học, phòng học chức năng, phòng làm việc của giáo viên, văn phòng và làm mới sân, mái che nhà ăn bán trú, nhà bếp	2897/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	1.100,00	1.100,00	1.100,00	-			548,81	548,81		
124	Đổ cấp đá dăm các trục đường thôn Lê Xá, Minh Phước và đường liên thôn Lê Xá đi Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn	3177/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	450,00	450,00	450,00	-			48,76	48,76		
125	Thường công trình cho thôn Hoa Bình, xã Vĩnh Hòa đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	1886 (24/5/2024)	150,00	150,00	150,00	-			5,42	5,42		
126	Thường công trình cho thôn Xuân, Đông Sỏi, Hắc Hiền, Thủy Bắc xã Kim Thạch đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu năm 2023	2268/QĐ-UBND ngày 27/06/2024	600,00	600,00	600,00	-			27,65	27,65		
127	Trạm y tế xã Vĩnh Thái; Hạng mục: Khuôn viên, tường rào	4029/QĐ - UBND ngày 12/12/2024	300,00	300,00	300,00	-			283,08	283,08		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
128	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái.	3125/QĐ - UBND ngày 23/9/2024	834,00	834,00	834,00	834,00	-		6,83	6,83		
129	Nâng cấp khuôn viên TTHTCĐ thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái	3541/QĐ - UBND ngày 29/10/2024	183,54	183,54	183,54	183,54	-		11,38	11,38		
130	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm học tập cộng đồng thôn Tân Thuận, thôn Tân Mạch xã Vĩnh Thái.	3977/QĐ - UBND ngày 06/12/2024	427,97	427,97	427,97	427,97	-		290,97	290,97		
131	Nâng cấp đường giao thông, điện chiếu sáng và lắp đặt dụng cụ TDTT thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái.	3125/QĐ - UBND ngày 23/9/2024	576,00	576,00	576,00	576,00	-		45,09	45,09		
132	Trường mầm non Vĩnh Thái (Điểm trường Đồng Luật); hạng mục: Nâng cấp phòng nhân viên và nhà xe	3125/QĐ - UBND ngày 23/9/2024	199,83	199,83	199,83	199,83	-		1,64	1,64		
133	Nâng cấp đường giao thông thôn Mạch Nước, xã Vĩnh Thái.	4035/QĐ - UBND ngày 12/12/2024	135,00	135,00	135,00	135,00	-		14,36	14,36		
134	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Tân Trại 1 và thôn Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang	2020/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	600,00	600,00	600,00	600,00	-		12,07	12,07		
135	Thường công trình cho thôn Di Loan, xã Vĩnh Giang đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2216/QĐ-UBND ngày 21/6/2025	150,00	150,00	150,00	6,54	-		6,54	6,54		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi ngân sách huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
136	Công trình thường cho thôn Bình An, xã Vĩnh chấp đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2213/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	150,00	150,00	150,00		-		4,36	4,36		
137	Thường công trình cho thôn Mỹ Hội, Thôn Thủy trung xã Trung Nam đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2023	2217/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	300,00	300,00	300,00		-		283,17	283,17		
138	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Phúc Lâm xã Vĩnh Long	2403/QĐ-UBND ngày 4/7/2024	600,00	600,00	600,00		-		95,48	95,48		
139	Xây mới sân khấu ngoài trời Trường TH& THCS Trung Nam (Điểm trường Vĩnh Nam)	4287/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	518,09	518,09	262,03	157,97	157,97					
140	Xây dựng hệ thống đường điện cao áp dọc đường tỉnh lộ 573B nối từ công chào Thủy Ba Đông đi thôn Đức Xá, xã Vĩnh Thủy	QĐ 3397/QĐ-UBND;22/11/2023	600,00	600,00	600,00		-		23,00	23,00		
141	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tân Trại 1, xã Vĩnh Giang	3995/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	1.600,00	1.600,00	238,00	1.362,00	1.362,00					
142	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tân Trại 1, xã Vĩnh Giang (Hố Mết)	2018/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	900,00	900,00	270,00	630,00	630,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
143	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Mũi Lò Vôi, xã Kim Thạch, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	4102/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	14.945,76	14.945,76		67,62	67,62		111,35	111,35		
144	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn thôn Thái Lai	3972/QĐ - UBND ngày 28/12/2023	1.105,00	1.105,00	855,56	249,44	105,00				144,44	
145	Trường mầm non Vĩnh Hòa (Điểm trung tâm); Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp công, tường rào khuôn viên và lát gạch sân terazzo phía trước;	3182 (27/9/2024)	600,00	600,00		600,00	600,00					
146	Trường mầm non Vĩnh Lâm; Hạng mục: Đường và sân bê tông lát gạch Terrazzo	3252 (01/10/2024)	250,00	250,00	245,98		-		4,02	4,02		
147	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Thái	832/QĐ - UBND ngày 28/3/2025	1.210,00	1.210,00		1.210,00	1.210,00					
148	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Nhà ở dành cho bác sĩ điện thu hút	4052/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.817,34	2.817,34	2.450,00	367,34	-	167,34				
149	TTHT cộng đồng thôn Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp sân, đường vào, bồn hoa và rãnh thoát nước	4218/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	647,82	647,82	274,24	373,58	373,58					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
150	Thường công trình cho thôn Đơn Duê, Linh Đơn, xã Vĩnh Hoà đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	2822 (31/10/2023)	297,03	297,03	297,03	295,34	1,69	1,69				
151	Thường công trình cho thôn Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1086/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	150,00	150,00	150,00		150,00	150,00				
152	Thường công trình cho thôn Nam Cường, xã Trung Nam đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1221/ Ngày 23/4/2025	150,00	150,00	150,00		150,00	150,00				
153	Thường công trình cho thôn Quảng Xá, Tiên Mỹ 2, Lâm Cao, Đặng Xá, Duy Viên, xã Vĩnh Lâm đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1281/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	750,00	750,00	750,00		750,00	750,00				
154	Thường công trình cho thôn Thái Lai, Tân Hòa, xã Vĩnh Thái đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1074/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	300,00	300,00	300,00		300,00	300,00				
155	Nhà văn hoá thôn Phường Duyệt, xã Vĩnh Tú	1976/QĐ-UBND 22/7/2022	1.160,00	1.160,00	1.160,00	510,00	650,00	650,00				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
156	Cải tạo sân Trường Mầm non Vĩnh Hoà; Xây mới nhà vệ sinh, tường rào, sân TT HTCD thôn Linh Đon, xã Vĩnh Hoà	1619 (19/5/2025)	226,67	226,67		226,67				226,67		
157	Bê tông hóa giao thông Thủy Ba Đông, Vĩnh Thủy	QĐ 3971/QĐ-UBND; 28/12/2024	600,00	600,00		600,00	200,00			200,00		
158	Nhà văn hóa khu phố 7; Hàng mục: Công hàng rào, sân bê tông và nhà vệ sinh	số 4098/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	780,00	780,00	577,60	202,05	202,05			202,05		
159	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Vĩnh Hà	4394/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	40,00	40,00		40,00	40,00			40,00		
160	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Vĩnh Khê	836 ngày 31/03/2025	260,00	260,00		260,00	260,00			260,00		
161	Đường bê tông nội thôn Đông Luật, xã Vĩnh Thái (giai đoạn 2)	1827/QĐ - UBND ngày 25/5/2025	216,00	216,00		216,00	216,00			216,00		
162	Đường bê tông thôn Cháp Bắc	5248/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	346,17	346,17	145,70	164,93	164,93			164,93		
163	Đường bê tông thôn Đông luật, xã Vĩnh Thái	982/QĐ - UBND ngày 02/4/2025	299,54	299,54		299,54	299,54			299,54		
164	Đường bê tông thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái	981/QĐ - UBND ngày 02/4/2025	369,79	369,79		369,79	369,79			369,79		
165	Đường giao thông đập thôn Thúc, xã Vĩnh Ô (giai đoạn 3)	1704/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	500,00	500,00		500,00	500,00			500,00		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
166	Cải tạo nâng cấp sân, tường rào và nhà vệ sinh THTCĐ thôn Phúc Đức, xã Hiền Thành	QĐ số 2958 ngày 9/9/2022	400,00	400,00	396,21	3,80	3,80					
167	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, khoa truyền nhiễm	số 4599/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	19.000,00	19.000,00	17.931,00	-	-				521,68	
168	Đường Trung Nam huyện Vĩnh Linh	5007/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	4.000,00	4.000,00	3.200,00	640,74	-				440,74	
169	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hạng mục: Nhà đa năng	2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000,00	5.000,00	3.340,00	1.660,00	-				837,80	
170	Trường mầm non Vĩnh Lâm. HM: Nhà 04 phòng học		2.940,00	2.940,00	2.760,02	92,36	-				92,36	
III	Dự án hoàn thành năm 2025		437.344,44	417.094,44	224.804,23	186.228,90	162.379,48	12.431,28	2.303,02	2.303,02	7.795,51	
171	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Long; Hạng mục: Nhà đa năng	số 2508/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.000,00	5.000,00	3.340,00	1.660,00	-		32,05	32,05		
172	Trường mầm non công lập Vĩnh Ô (điểm trường Bán 4); Hạng mục: Công hàng rào, nhà vệ sinh	số 3354/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	575,00	575,00	73,07		-		73,07	73,07		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
173	Đường kết nối nói trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái	số 1075/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	145.000,00	145.000,00	110.662,80	34.337,20	28.666,55	670,65			5.000,00	
174	Đường GTNT thôn Đồng Luật, Thờ Luật, xã Vĩnh Thái	số 2132/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.200,00	1.200,00		1.200,00	1.200,00					
175	Đường bê tông thôn Phan Hiền xã Vĩnh Sơn	số 1960/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	800,00	800,00		800,00	800,00					
176	Đường bê tông thôn Tân Định, thôn Cháp Lễ, xã Vĩnh Cháp	số 2044/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	600,00	600,00		600,00	600,00					
177	Đường bê tông nội thôn Thủy Tú, thôn Trường Kỳ, thôn Tứ Chính, xã Vĩnh Tú	số 2134/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	680,00	680,00		680,00	680,00					
178	Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	số 2573/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	22.500,00	2.250,00	507,00	252,00	-		50,08	50,08	252,00	
179	Trường mầm non Cửa Tùng, hạng mục: Nhà 02 tầng 4 phòng học	1914/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	3.600,00	3.600,00	3.600,00		-		1.027,04	1.027,04		
180	Chỉnh trang đô thị thị trấn Bến Quan	số 176/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	2.000,00	2.000,00	1.939,09		-		21,44	21,44		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
181	Xây dựng đường giao thông nông thôn thôn Tân An và thôn Tân Mỹ, xã Vĩnh Giang	số 1085/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	400,00	400,00		400,00	400,00					
182	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 574 đến khu dân cư Hòa Lý 2, TT cửa tùng	số 2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.500,00	2.500,00	1.102,04	1.397,96	865,59	232,37				
183	Xây dựng hạ tầng khu dân cư khu phố 5, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	số 5040/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	18.921,14	18.921,14	12.999,18	5.921,14	1.458,09	3.419,53	0,82	0,82	1.043,51	
184	Xây dựng hệ thống điều hành thông tin huyện Vĩnh Linh		599,19	599,19		599,19	599,19					
185	Xây dựng kênh Đường Phương và Quan Đựng thôn Tân Mỹ, xã Vĩnh Giang	số 1489/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	400,00	400,00		400,00	400,00					
186	Xây dựng mới đường bê tông nội thôn Phường Duyệt, xã Vĩnh Tú		230,00	230,00		230,00	230,00					
187	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn Tiên Mỹ L, xã Vĩnh Lâm		6.500,00	6.500,00		6.500,00	6.500,00					
188	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư vùng Đồng Cát, thôn Nam Phú, xã Trung Nam	2123/QĐ-UBND 02/8/2022	5.000,00	5.000,00	1.500,00	3.500,00	3.500,00		8,00	8,00		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
189	Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà văn hóa thôn Thùỵ Ba Đông, xã Vinh Thùỵ; HM: San nèn	NQ 213 11/5/2021	920,35	920,35		920,35	920,35					
190	Trường tiểu học Vinh Giang, HM: 6 phòng chức năng	3681/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	4.500,00	4.500,00	700,00	3.800,00	-	2.900,00	475,70	475,70		
191	Trường Tiểu học xã Hiền Thành, huyện Vinh Linh; Hạng mục: Xây dựng nhà 3 phòng học	286/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	1.900,00	1.900,00	1.600,00	250,00	100,00					
192	Trường THCS Kim Thạch, hạng mục: Nhà 2 tầng 06 phòng học chức năng	2481/QĐ-UBND 18/9/2023	4.300,00	4.300,00	2.000,00	2.300,00	2.300,00					
193	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư Thôn Tây 2, xã Vinh Tú, huyện Vinh Linh	1566/QĐ-UBND 24/6/2022	10.000,00	10.000,00	6.000,00	4.000,00	4.000,00					
194	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Tây 2, xã Vinh Tú, huyện Vinh Linh (giai đoạn 2) Hạng mục: Cắm mốc phục vụ giải phóng mặt bằng, đo đạc chính lý bản đồ địa chính phục vụ thu hồi đất, giao đất và cắm mốc phân lô	số 4863/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	125,31	125,31	21,04	104,27	-	104,27				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
195	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đoạn đường tỉnh lộ ĐT 574 đi Cửa Tùng	175/NQ-HBND ngày 03/5/2022	28.425,00	28.425,00		28.425,00	28.425,00					
196	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 5, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh (giai đoạn 1) Hạng mục: Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ thu hồi, cắm mốc GPMB, cắm mốc quy hoạch phân lô.	số 5025/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	170,13	170,13		170,13	-	170,13				
197	Trường mầm non Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; HM: Xây mới bếp ăn bán trú, sân chơi Bàn 8	4106/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	700,00	700,00		200,00	-	154,98				
198	Trường mầm non xã Vĩnh Giang; HM: Nhà 2 tầng - 6 phòng học	số 292/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	5.000,00	5.000,00	800,00	4.200,00	4.200,00		551,41	551,41		
199	Trường MN Vĩnh Khê (Điểm trường trung tâm). HM: Khu vui chơi cát nước (vườn cỏ tích), sân vườn quan sát; nâng cấp 2 phòng học và làm mái che dây 2 phòng học, phòng nghệ thuật; tu sửa 02 phòng giáo viên	2646/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	900,00	900,00		900,00	900,00					
200	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 7, thị trấn Hồ Xá		14.400,00	14.400,00		14.400,00	14.400,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
201	Trường mầm non công lập xã Vĩnh Ô (Điểm trường bán 8); HM: Sửa chữa 2 phòng học + xây mới cổng, hàng rào, nhà vệ sinh	3643/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	902,60	902,60		902,60	902,60					
202	Thường công trình cho thôn Liềm Công Đông, xã Hiền Thành đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1497/QĐ-UBND ngày 7/5/2025	150,00	150,00		150,00	150,00					
203	Thường công trình cho thôn Mới, thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024		200,00	200,00		200,00	200,00					
204	Thường công trình cho thôn Nhà Tài, Phúc Lâm, xã Vĩnh Long đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1187/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	300,00	300,00		300,00	300,00					
205	Thường công trình cho thị trấn Bến Quan đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2023; Hạng mục: Đường giao thông Khóm 2, thị trấn Bến Quan	1976/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	600,00	600,00		570,90	570,90					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
206	Thường công trình cho thị trấn Hồ Xá đạt chuẩn đô thị văn minh năm 2023; Hạng mục: Nâng cấp Kìet 265 đường Trần Phú và Nhà vệ sinh trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, thị trấn Hồ Xá	Số 1556/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	600,00	600,00		600,00	600,00					
207	Thường công trình cho thôn Cháp Lễ, xã Vĩnh Cháp đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2024	1162/QĐ-UBND ngày 18/04/2025	150,00	150,00		150,00	150,00					
208	Trung tâm hành chính xã Kim Thạch; Hạng mục: Hội trường UBND	số 2199/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	4.000,00	4.000,00	3.300,00	350,00	350,00		63,42	63,42		
209	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thôn Tân Mỹ, đường qua trường tiểu học và nghĩa trang liệt sĩ xã Vĩnh Giang	số 1855/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	500,00	500,00		500,00	500,00					
210	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thôn Tùng Luât, xã Vĩnh Giang		700,00	700,00		700,00	700,00					
211	Nhà văn hóa Khu phố Thành Công thị trấn Hồ Xá		1.800,00	1.800,00		1.400,00	1.400,00					
212	Nhà văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	số 4029/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	72.500,00	72.500,00	66.000,00	5.000,00	3.500,00				1.500,00	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
213	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Mới, đoạn từ lô nhà Ngọc Lánh đến ruộng thôn Mới, xã Vĩnh Khê	số 2056/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	1.102,11	1.102,11	1.102,11		1.102,11			1.102,11		
214	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Mới, đoạn từ lô ông Lý đến ruộng thôn Mới, xã Vĩnh Khê	số 1961/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	316,00	316,00	316,00		289,28			289,28		
215	Bê tông hóa đường nội đồng Tân Trường - Thái Mỹ, xã Hiền Thành		473,00	473,00	473,00		473,00			473,00		
216	Bê tông hóa đường phía Nam trường tiểu học điểm Hòa Bình, xã Hiền Thành	số 2057/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	425,00	425,00	425,00		425,00			425,00		
217	Bê tông hóa đường sản xuất từ quốc lộ 1A đến khu vực nuôi trồng thủy sản thôn Hiền Lương, xã Hiền Thành		600,00	600,00	600,00		600,00			600,00		
218	Bê tông hóa đường sản xuất thôn Xung Phong, đoạn từ lô ông Nam đến lô ông Thương, xã Vĩnh Khê	số 2019/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	1.102,11	1.102,11	1.102,11		1.102,11			1.102,11		
219	Cải tạo đường bê tông nội thôn Thôn Tây 3, xã Vĩnh Tú		120,00	120,00	120,00		120,00			120,00		
220	Cải tạo sửa chữa trường THCS Chu Văn An, xã Vĩnh Thủy	NQ 48 10/01/2024	350,00	350,00	350,00		350,00			350,00		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
221	Thường công trình cho thôn Đức Xá, Linh Hải, Thủy Ba Hạ xã Vĩnh Thủy đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023.	QĐ 2537/QĐ-UBND;25/07/2024	450,00	450,00		450,00		450,00				
222	Nhà văn hóa Khu phố 1 thị trấn Hồ Xá		2.200,00	2.200,00		1.650,00		1.650,00				
223	Nhà văn hóa khu phố 3, thị trấn Hồ Xá	số 2916/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	1.900,00	1.900,00	500,00	920,00		920,00				
224	Nhà văn hóa khu phố Chợ Huyện, thị trấn Hồ Xá	1410/QĐ-UBND 26/4/2024	1.900,00	1.900,00	700,00	1.080,00		1.080,00				
225	Nâng cấp đường Nguyễn Du, thị trấn Hồ Xá	số 1943/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	2.330,00	2.330,00		2.330,00		2.330,00				
226	Nâng cấp đường vào Trường mầm non Hoa Phượng thị trấn Hồ Xá		280,00	280,00		280,00		280,00				
227	Nâng cấp kênh Đập Trầm, Đập Hà, thôn Bình An, xã Vĩnh Chấp		400,00	400,00		400,00		400,00				
228	Nâng cấp kênh Mương Sim, Mương Cát, HTX Huỳnh Xá Hạ, xã Vĩnh Sơn	số 1490/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	400,00	400,00		400,00		400,00				

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
229	Nâng cấp mở rộng và xây dựng mới Kiệt 12, đường Phạm Văn Đồng; Kiệt 14, đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh		1.370,00	1.370,00			1.370,00					
230	Nâng cấp sửa chữa đường bê tông, công thoát nước trên địa bàn thị trấn Cửa Tùng	1617/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	600,00	600,00			600,00					
231	Nâng cấp vỉa hè đường Hai Bà Trưng, thị trấn Hồ Xá	số 2133/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	1.000,00	1.000,00			1.000,00					
232	Nâng cấp, sửa chữa kênh vùng Cây Dừa, Ruộng Cạn, HXT Quảng Xá, xã Vĩnh Long		650,00	650,00			650,00					
233	Làm mới đường giao thông thôn Công Ba, xã Vĩnh Hà	số 1957/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	350,00	350,00			349,16					
234	Mở rộng đường nội thị An Hoà - An Đức, thị trấn Cửa Tùng	787/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	10.500,00	10.500,00			10.500,00	4.231,95				
235	Công trình cấp nước tập trung xã Vĩnh Thủy	4116/QĐ-UBND ngày 31/12/2023	3.325,00	3.325,00	2.660,00		665,00	-				
236	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	2448/QĐ-UBND ngày 11/7/2024	6.000,00	6.000,00	4.800,00		1.200,00					

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được giao	Lũy kế phân bổ đến hết 2024	Kế hoạch 2025 đã phân bổ		Nguồn thu đầu đất 2024 phân bổ trong năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025		Kế hoạch vốn từ nguồn tiết kiệm chi nguồn vốn đất huyện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Tổng số		Tổng số	Trong đó: Đầu giá đất cấp huyện		
*	Dự phòng ĐTC năm 2025 (số chưa giao chi tiết)		28.952,52	28.952,52			28.952,52	28.952,52				
IV	Dự án hoàn thành sau năm 2025			-	-	-	-		-	-		
V	Dự án đang dừng thực hiện			-	-	-	-		-	-		
VI	Dự án sắp triển khai (đang triển khai)			-	-	-	-		-	-		